

Khu BTTN Kẽ Gỗ

Tên khác:

Hồ Kẽ Gỗ

Tỉnh:

Hà Tĩnh

Diện tích:

24.801 ha

Toạ độ:

18°00' - 18°09' N, 105°50' - 106°07' E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Bắc Trung Bộ

Có quyết định của Chính phủ:

Có

Đã thành lập Ban Quản lý:

Có

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Không

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

Không

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kẽ Gỗ được xây dựng trên địa bàn các huyện Hương Khê, Cẩm Xuyên và Kỳ Anh, thuộc khu vực phía nam tỉnh Hà Tĩnh. Khu Bảo tồn còn có tên Hồ Kẽ Gỗ, tuy nhiên, diện tích hồ Kẽ Gỗ nằm ngoài phạm vi khu bảo tồn. Từ trước năm 1990, toàn bộ diện tích rừng Kẽ Gỗ thuộc phạm vi huyện Cẩm Xuyên và Kỳ Anh do lâm trường Cẩm Kỳ quản lý. Từ năm 1990, lâm trường Cẩm Kỳ ngừng khai thác gỗ và rừng khu vực được quản lý bởi Ban quản lý Rừng Phòng hộ Kẽ Gỗ. Ban quản lý rừng phòng hộ Kẽ Gỗ chính thức được thành lập theo Quyết định số 773/QĐ/UB ngày 1/6/1994 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Đến năm 1996, Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kẽ Gỗ được thành lập bao gồm 7.511 ha diện tích thuộc lâm phần lâm trường Kỳ Anh II, 5.905 ha thuộc lâm phần lâm trường Hà Đông và 11.385 ha thuộc rừng phòng hộ Kẽ Gỗ trước đây (Lê Trọng Trái *et al.* 1999).

Khu BTTN Kẽ Gỗ nằm trong vùng địa hình núi thấp miền Trung Việt Nam, là vùng phân bố của một số loài chim đặc hữu quan trọng, đang bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu ở mức Nguy cấp là các loài Gà lôi lam Hà Tĩnh *Lophura hatinhensis*, Gà lôi mào đen *L. imperialis* (Stattersfield *et al.* 1996). Vào năm 1988, Chương trình BirdLife Quốc tế hợp tác với Trung tâm Tài nguyên Môi trường Đại học Quốc gia Hà Nội lần đầu tiên tiến hành điều tra loài Gà lôi lam Hà Tĩnh và các loài chim đặc hữu khác. Vào đầu năm 1990, cả hai

tổ chức trên đã xác định rằng rừng Kẽ Gỗ là vùng có tiềm năng quan trọng về bảo tồn các loài chim trĩ (Lê Trọng Trái *et al.* 1999).

Tiếp theo việc phát hiện lại loài Gà lôi lam Hà Tĩnh *Lophura hatinhensis* ở khu vực nam Hà Tĩnh, trong năm 1988 (Robson *et al.* 1991), một dự án đầu tư thành lập Khu BTTN Kẽ Gỗ đã được xây dựng bởi Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng vào tháng 8 năm 1996 (Lê Trọng Trái *et al.* 1996). Dự án đầu tư này xác định tổng diện tích Khu BTTN Kẽ Gỗ là 24.801 ha, trong đó khu bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích 20.537 ha, và diện tích khu phục hồi sinh thái là 4.264 ha.

Ngày 28 tháng 12 năm 1996 Chính Phủ đã ra Quyết định số 970/TTg về việc thành lập Khu BTTN Kẽ Gỗ. Khu BTTN có 11.385 ha trước đây thuộc sự quản lý của Ban Quản lý Rừng Phòng hộ Đầu nguồn hồ Kẽ Gỗ, 7.511 ha thuộc sự quản lý của Lâm trường Kỳ Anh II và 5.905 ha thuộc sự quản lý của Lâm trường Hà Đông (Lê Trọng Trái *et al.* 1996).

Tiếp đến, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã phê duyệt thành lập Khu BTTN Kẽ Gỗ theo Quyết định số 519/QĐ-UB, ngày 12/6/1997. Ban quản lý hiện có 68 cán bộ biên chế và hợp đồng dài hạn, 30 cán bộ hợp đồng thời vụ, một trụ sở và 5 trạm bảo vệ rừng.

Khu BTTN Kẽ Gỗ hiện đang được Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh quản lý (Sở NN&PTNT Hà Tĩnh 2000). Khu BTTN Kẽ Gỗ có trong danh lục các khu rừng đặc

dụng Việt Nam đến năm 2010 được xây dựng bởi Cục Kiểm lâm - Bộ NN&PTNT với diện tích 24.801 ha (Cục Kiểm lâm, 2003), danh lục này hiện vẫn chưa được Chính phủ phê duyệt.

Địa hình và thủy văn

Ranh giới phía bắc của Khu BTTN Kê Gổ chính là bờ nam của hồ Kê Gổ. Phía nam khu bảo tồn kéo dài đến ranh giới giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình. Địa hình khu bảo tồn là vùng đồi thấp nhấp nhô, là cảnh quan điển hình của vùng đồi núi miền Trung Việt Nam. Độ cao địa hình của khu bảo tồn nằm trong khoảng từ 50 đến 497 m, phần lớn khu bảo tồn có độ cao trong dưới 300 m so với mặt biển.

Có 3 vùng phân thủy chính nằm trong địa phận khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gổ. Vùng phân thủy lưu vực Rào Bội đổ về sông Ngàn Sâu, gặp Ngàn Phố ở cuối nguồn rồi cùng đổ vào sông Lam trước khi chảy ra biển Đông. Vùng phân thủy lưu vực Hồ Kê Gổ bao gồm hàng loạt sông suối tạo thành những khu vực rộng lớn trong khu bảo tồn và đổ vào lòng hồ Kê Gổ. Vùng phân thủy lưu vực Chín Xai - Cát Bịn đổ vào khe Canh, chảy về phía Quảng Bình, hội nhập với sông Gianh trước khi đổ ra biển Đông.

Đa dạng sinh học

Khu BTTN Kê Gổ có 24.284 ha rừng tự nhiên, bằng 98% tổng diện tích toàn khu. Tuy nhiên, các vùng rừng này trước đây đã bị khai thác chọn, có đến 76% diện tích đã bị tác động mạnh, diện tích rừng nguyên sinh chưa bị tác động hầu như không còn. Rừng bị tác động nhẹ tập trung ở các đai cao, còn các khu vực đã bị tác động mạnh nằm ở các vùng thấp. Những nơi có độ cao dưới 300 m, khu hệ thực vật đặc trưng bởi các loài như Giổi *Michelia* spp., *Cinnamomum* spp., Sến mật *Madhuca pasquieri* và Lim xanh *Erythrophleum fordii*. Độ cao trên 300 m, thực vật ưu thế bởi các loài thuộc chi *Hopea* (Lê Trọng Trãi *et al.* 1999).

Cho đến nay tại Khu BTTN Kê Gổ đã phát hiện được 46 loài thú, 270 loài chim và 562 loài thực vật. Trong số đó có một số loài thú đang bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu. Tuy nhiên, một số loài trong đó, đặc biệt là Voi *Elephas maximus*, Bò tót *Bos gaurus* và Hổ *Panthera tigris* có thể đã bị tuyệt chủng hoặc số

lượng quần thể của chúng đã bị suy giảm đáng kể do săn bắn (Lê Trọng Trãi *et al.* 1999).

Khu BTTN Kê Gổ nằm trong Vùng Chim Đặc hữu vùng Đất thấp Miền Trung Việt Nam, là nơi đã tìm thấy 5 loài chim có vùng phân bố giới hạn là Gà lôi mào đen, Gà lôi lam Hà Tĩnh, Trĩ sao *Rheinardia ocellata*, Khướu mỏ dài *Jabouilleia danjoui* và Chích chạch má xám *Macronous kelleyi*. Điều hết sức quan trọng là Khu BTTN Kê Gổ cùng với các vùng rừng lân cận ở phía bắc tỉnh Quảng Bình là khu vực duy nhất trên thế giới đã tìm thấy loài Gà lôi lam Hà Tĩnh. Do có tầm quan trọng Quốc tế trong công tác bảo tồn chim, Kê Gổ đã được công nhận là một trong số các vùng chim quan trọng tại Việt Nam (Tordoff *et al.* 2002).

Các vấn đề về bảo tồn

Mối đe dọa chủ yếu đối với đa dạng dạng sinh học Khu BTTN Kê Gổ là săn bắn, khai thác gỗ trái phép, đốt than, lấy củi và chưng cất tinh dầu Re (Lê Trọng Trãi *et al.* 1999). Có đến 8.873 hộ gia đình sinh sống trong vùng đệm của khu bảo tồn, với 39.917 nhân khẩu, chủ yếu là người Kinh (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Tĩnh, 2000). Vào khoảng một nửa số hộ có thu nhập chính là từ việc khai thác tài nguyên rừng như lấy củi, đốt than, lấy lá nón, song mây và mật ong (Lê Trọng Trãi *et al.* 1999).

Chưng cất tinh dầu là hoạt động phổ biến và dẫn đến hiện tượng thoái hoá rừng thuộc Khu BTTN Kê Gổ. Tinh dầu được chiết xuất từ loài cây gỗ *Cinnamomum parthenoxylum*, tuy nhiên một số loài thuộc họ Lauraceae cũng bị sử dụng cho mục đích này. Ước tính cứ mỗi điểm tiến hành chưng cất tinh dầu thì làm tổn hại đến 1 km² rừng do việc chưng cất cần đến một khối lượng lớn củi (Lê Trọng Trãi *et al.* 1999).

Gỗ thường bị chặt để phục vụ mục đích xây dựng ở địa phương, nhưng vẫn có trường hợp buôn bán gỗ trái phép. Các loài cây gỗ có giá trị thuộc chi *Hopea*, hoặc các loài kém giá trị khác cũng vẫn bị khai thác (Lê Trọng Trãi *et al.* 1999).

Săn bắn, bẫy động vật có vai trò quan trọng đối với đời sống cộng đồng địa phương. Thời kỳ đầu của nền kinh tế mở cửa ở Việt Nam, các loài động vật bị săn bắt chủ yếu là phục vụ tại chỗ. Tuy nhiên chính sách mở cửa nền kinh tế đã làm thay đổi đáng kể tình hình

này: nhu cầu của nước ngoài đối với các loài hoang dã đã khiến cho việc săn bắt nhằm vào nhiều đối tượng khác nhau cũng như gia tăng áp lực săn bắn ở địa phương.

Áp lực săn bắn đang đe dọa quần thể các loài thú lớn và trung bình. Hơn thế nữa, việc sử dụng các phương pháp săn bắt truyền thống như đặt bẫy thòng lọng, bẫy sập sẽ đe dọa các loài chim mất đất như loài Gà lôi lam Hà Tĩnh (Lê Trọng Trãi *et al.* 1999).

Tổng số cán bộ nhân viên của Khu BTTN Kê Gổ là 70 người, trong đó có 56 kiểm lâm viên làm việc tại trụ sở Ban quản lý và 5 trạm bảo vệ rừng (Sở NN&PTNT Hà Tĩnh, 2000).

Khu BTTN Kê Gổ nối liền với vùng rừng thường xanh rộng lớn ở phía bắc tỉnh Quảng Bình. Đây chính là vùng đang được đề xuất thành lập Khu BTTN Khe Nét (xem phần giới thiệu về Khe Nét). Khu BTTN Kê Gổ và vùng rừng Khe Nét hiện nay là hai khu vực chứa đựng diện tích rừng tự nhiên lớn nhất còn lại ở khu vực vùng núi thấp Miền Trung.

Các giá trị khác

Khu BTTN Kê Gổ bảo vệ một vùng rộng lớn diện tích rừng đầu nguồn hồ Kê Gổ. Đây là hồ chứa nước có tầm quan trọng về kinh tế, nó cung cấp nước sinh hoạt cho thị xã Hà Tĩnh, và bảo đảm việc tưới tiêu cho 22.000 ha đất nông nghiệp. Tương tự như vậy, khu bảo tồn còn bảo vệ một phần rừng đầu nguồn sông Gianh, nơi cung cấp nguồn nước tưới tiêu quan trọng ở tỉnh Quảng Bình (Lê Trọng Trãi *et al.* 1999).

Giá trị tiềm năng về gỗ và du lịch của khu bảo tồn không lớn. Do quá trình khai thác gỗ thương mại mạnh mẽ trước đây nên giá trị về gỗ thương mại của rừng Kê Gổ bị suy giảm đáng kể, vì vậy đánh giá về lợi nhuận từ khai thác gỗ thương mại hiện nay khó xác định. Tuy nhiên, khu bảo tồn là nơi giữ lại được một nguồn tài nguyên gỗ và phi gỗ quan trọng cho các cộng đồng địa phương. Sự hiện diện của hàng loạt các loài có vùng phân bố hẹp và đang bị đe dọa tuyệt chủng mang tính toàn cầu trong khu bảo tồn có thể thu hút một số khách du lịch sinh thái, đặc biệt là khách xem chim quốc tế. Tuy nhiên, giá trị tiềm năng về du lịch sinh thái thấp bởi vì các quần thể động vật hoang dã bị suy giảm mạnh do săn bắn, phần lớn các loài thú và chim có kích thước lớn rất khó có khả năng quan sát thấy. Thêm vào

đó, Kê Gổ là vùng rừng trên địa hình núi thấp, không mang những nét cảnh quan độc đáo, hiện nay khu bảo tồn chưa có các điều kiện để phục vụ khách tham quan (Lê Trọng Trãi *et al.* 1999).

Các dự án có liên quan

Trước khi thành lập Khu BTTN Kê Gổ, Trung tâm Tài nguyên Môi trường Đại học Quốc gia Hà Nội đã cùng Ủy ban Nhân dân huyện Kỳ Anh và Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Hà Tĩnh đã thực hiện dự án bảo vệ thung lũng Gát Chè Mè ở phía đông khu bảo tồn. Dự án được tài trợ bởi tổ chức ORO-VERDE (Cộng hoà Liên Bang Đức).

Trong các năm 1992 và 1998, bằng nguồn vốn của Việt nam trong Chương trình Môi trường Quốc gia, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật đã tiến hành điều tra về đa dạng sinh học ở khu vực Kê Gổ.

Năm 1996, trong khuôn khổ của dự án do Liên minh Châu Âu tài trợ có tên: "Bảo tồn Đa dạng Sinh học Rừng Núi thấp Miền Trung và Cao nguyên Đà Lạt, Việt Nam" BirdLife và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng đã xây dựng dự án đầu tư cho Khu BTTN Kê Gổ.

Năm 1996, bằng nguồn tài trợ của đại sứ quán Vương quốc Đan Mạch ở Hà Nội, BirdLife International và Oxfam UK-Ireland đã thực hiện dự án giáo dục môi trường. Dự án được thực hiện với sự hợp tác của Phòng Giáo dục Đào tạo huyện Kỳ Anh trong thời hạn một năm tại khu vực vùng đệm của Khu BTTN Kê Gổ.

Giữa năm 1997 và 1999, với nguồn tài trợ từ Hội chợ Chim Anh Quốc, BirdLife International đã thực hiện dự án "Rừng Kê Gổ". Kết quả hoạt động của dự án này là đã xây dựng 2 trạm bảo vệ rừng, cung cấp một số xe gắn máy và vật tư khác cũng như việc giúp cho công tác đào tạo cán bộ khu bảo tồn.

Từ năm 1998 và 2002, Trung tâm nghiên cứu lâm sản phi gỗ của Viện khoa học lâm nghiệp đã bắt đầu thực hiện dự án "Sử dụng bền vững các lâm sản phi gỗ", do chính phủ Hà Lan tài trợ với sự trợ giúp kỹ thuật của IUCN. Mục đích của dự án là gia tăng bảo vệ đa dạng sinh học thông qua việc sử dụng bền vững các sản phẩm phi gỗ ở cấp huyện. Mô hình thí điểm của dự án hiện đang được triển khai tại huyện Cẩm Xuyên, vùng đệm của Khu BTTN Kê Gổ (Raintree *et al.*

1999). Năm 2002, giai đoạn 2 của dự án đã được triển khai và sẽ tiếp tục kéo dài đến năm 2007.

Từ năm 1998, Cục Phát triển Quốc tế của Chính phủ Vương quốc Anh đã trợ giúp chương trình xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Hà Tĩnh có tên "Chương trình xoá đói giảm nghèo Hà Tĩnh". Chương trình này được thực hiện bởi các tổ chức Action Aid, Oxfam Great Britain và Save the Children (UK), cùng hợp tác với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (Anon. 1997a, 1998, 1999).

Các hoạt động bảo vệ rừng tại Khu BTTN Kê Gồ hiện đang được thực hiện với nguồn vốn từ chương trình 661 Quốc gia.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Khu vực chưa xây dựng được kế hoạch quản lý.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Kê Gồ phù hợp để được nhận tài trợ VCF do đáp ứng được các tiêu chí A, B và C.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	NA5 - Vùng đất thấp Kê Gồ - Khe Nét
A _{II}	VN019 - Kê Gồ
B _I	Quyết định số 970/TTg ngày 28/12/1996
B _{II}	Bảo tồn thiên nhiên
B _{III}	Thuộc sự quản lý của UBND tỉnh
C _I	Ban quản lý đã thành lập
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa có báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

Anon. (1993) A list of bird species recorded from the watershed of Ho Ke Go, 12-20 April 1993. Unpublished list of birds. In English.

Anon. (1994) :Industry, agriculture and forestry plan for Ke Go Watershed Protection Forest". Ha Tinh: Ha Tinh Provincial Department of Agriculture and Rural Development. In Vietnamese.

Anon. (1997a) Ha Tinh poverty programme. Draft programme submission to South East Asia Development Division, Overseas Development Administration, Bangkok.

Anon. (1997b) The establishment of Ke Go Nature Reserve, Ha Tinh province: background brief and project concept. Project proposal by BirdLife International Vietnam Programme.

Anon. (1998) ActionAid Vietnam's rural development programme in Ha Tinh province. Hanoi: ActionAid Vietnam.

Anon. (1999) Ha Tinh poverty programme. Hanoi: Save the Children (UK).

Eames, J. C. (1996) Observations on the nesting behaviour of the Bar-bellied Pitta *Pitta elliotii*. Bull. B.O.C. 116(4): 216-224.

Eames, J. C., Lambert, F. R. and Nguyen Cu (1994) A survey of the Annamese Lowlands, Vietnam, and its implications for the conservation of Vietnamese and Imperial Pheasants *Lophura hatinhensis* and *L. imperialis*. Bird Conservation International 4(4): 343-382.

Eames J. C. and Robson, C. R. (1992) Forest bird surveys in Vietnam 1991. Cambridge, U.K.: International Council for Bird Preservation.

Eames, J. C., Robson, C. R., Nguyen Cu and Truong Van La (1989) Vietnam forest project: pheasant surveys 1989. Unpublished report to the International Council for Bird Preservation.

Hoang Minh Khiem and Dang Huy Huynh (1995) The present status of wild mammal resources in the Ke Go lake area. Pp 363-366 in: Dang Huy Huynh, Nguyen Tien Ban, Vu Quang Con, Nguyen Thi Le, Pham Van Luc, Tran Dinh Ly, La Dinh Moi and Cao

Van Sung eds. "Results of research by IEBR" Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.

Lambert, F. R., Eames, J. C. and Nguyen Cu (1994) Surveys of the endemic pheasants in the Annamese lowlands of Vietnam, June-July, 1994: status and conservation recommendations for the Vietnamese Pheasant *Lophura hatinhensis* and Imperial Pheasant *L. imperialis*. Oxford: IUCN.

Le Trong Trai, Nguyen Huy Dung, Nguyen Cu, Le Van Cham and Eames, J. C. (1996) An investment plan for Ke Go Nature Reserve, Ha Tinh province, Vietnam: a contribution to the management plan. Hanoi: BirdLife International and the Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Le Trong Trai, Nguyen Huy Dung, Nguyen Cu, Le Van Cham, Eames, J. C., and Chicoine, G. (1999) An investment plan for Ke Go Nature Reserve, Ha Tinh province, Vietnam: a contribution to the management plan. Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme and the Forest Inventory and Planning Institute.

Nguyen Cu and Duong Nguyen Thuy (1993) "Research to design the buffer zone programme for Ky Thuong and Ky Anh communes, Ha Tinh province". Unpublished report to the Vietnamese National Research Programme on the Environment. In Vietnamese.

Nguyen Cu and Eames, J. C. (1993) The distribution and status of pheasants in Vietnam. Pp 20-27 in D. Jenkins, ed. Pheasants in Asia 1992. Reading: World Pheasant Association.

Nguyen Cu, Eames, J. C. and Lambert, F. R. (1995) "Results of surveys of the Annamese Lowlands, Vietnam and its implication for the conservation of Vietnamese Pheasant *Lophura hatinhensis* and Imperial Pheasant *L. imperialis*". Pp 264-275 in: Dang Huy Huynh, Nguyen Tien Ban, Vu Quang Con, Nguyen Thi Le, Pham Van Luc, Tran Dinh Ly, La Dinh Moi and Cao Van Sung eds. "Results of research by IEBR" Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources. In Vietnamese.

Nguyen Cu, Truong Van La and Duong Nguyen Thuy (1992) Pheasant surveys in Ky Anh-Ho Ke Go,

Ha Tinh province, May 1992. Unpublished report to the International Council for Bird Preservation.

Nguyen Cu, Truong Van La and Duong Nguyen Thuy (1992) "Conservation study of pheasants in Ha Tinh province". Unpublished report to the International Council for Bird Preservation. In Vietnamese.

Nguyen Huy Dung, Tran Quoc Dung and Le Van Cham (1995) "Socio-economic development plan for the buffer zone of Ke Go Nature Reserve". Hanoi: BirdLife International and the Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Nguyen Phu Quoc (1999) BirdLife International Vietnam Programme donates four Minsk bikes to Ke Go Nature Reserve. Lam Nghiep Vietnam Forest Review July 1999: 49. In Vietnamese.

Nhan Dan (2001) "Protect Ke Go Special-use Forest". Nhan Dan "The People" 4 September 2001. In Vietnamese.

Raintree, J. B., Le Thi Phi and Nguyen Van Duong (1999) Report on a diagnostic survey of conservation problems and development opportunities in the buffer zone of Ke Go Nature Reserve. Hanoi: Forest Science Institute of Vietnam.

Robson, C. R., Eames, J. C., Newman, M., Nguyen Cu and Truong Van La (1991) Forest bird surveys in Vietnam 1989/1990: final report. Unpublished report to the International Council for Bird Preservation.

Robson, C. R., Eames, J. C., Nguyen Cu and Truong Van La (1993) Further recent records of birds from Vietnam. Forktail 8: 25-52.

Scott, D. A. (1989) A directory of Asian wetlands. Gland: IUCN.

Tordoff, A. W. ed. (2002) Directory of important bird areas in Vietnam: key sites for conservation. Hanoi: BirdLife International in Indochina and the Institute of Ecology and Biological Resources.

Vo Quy (1993) "The protection of biodiversity in Ha Tinh province". Unpublished report to the Vietnamese National Research Programme on the Environment. In Vietnamese.

Vo Quy (1999) Lesson learned from the project: how to involve local communities in environmental

projects and programmes. Unpublished report to Centre for Natural Resources and Environmental Studies.

Vo Quy, Nguyen Cu, Hoang Minh Khien and Nguyen Thuy (1993) "The results of survey on the fauna, and status of pheasant species, of Ke Go protected forest, Ha Tinh province, 1992". Unpublished report to the Vietnamese National Research Programme on the Environment. In Vietnamese.

Ziegler, T. (2000) "Studies on the herpetofauna of a lowland humid forest protected area in southern North Vietnam". Doctoral thesis submitted to the Faculty of Mathematics and Natural Sciences, Friedrich-Wilhelms University, Bonn. In German.

